BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13020/BTC-CST V/v xin ý kiến dự thảo Thông tư	*Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2016*

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 3184
ĐẾN Ngày: 23.9.16
Chuyển: Hải Quan

Kính gửi:
- Các Bộ: Quốc phòng; Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh, ngày 09/6/2015, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 88/2015/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

Tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa XIII đã thông qua Luật phí và lệ phí, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017, thay thế Pháp lệnh phí và lệ phí.

Theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì Thông tư số 88/2015/TT-BTC sẽ hết hiệu lực do Pháp lệnh phí và lệ phí hết hiệu lực thi hành từ 01/01/2017.

Để phù hợp với quy định tại Luật phí và lệ phí và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự thay thế Thông tư số 88/2015/TT-BTC *(gửi kèm dự thảo Thông tư)*, đề nghị Quý cơ quan có ý kiến tham gia về dự thảo Thông tư.

Ý kiến xin gửi về Bộ Tài chính (Vụ Chính sách Thuế) trước ngày 12./10./2016.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST5). (72)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày tháng năm 2016*

THÔNG TƯ

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 58/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết về kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự và xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm mật mã dân sự;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự

Điều 1. Người nộp và tổ chức thu phí

1. Người nộp phí

Tổ chức, cá nhân khi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự phải nộp phí thẩm định theo quy định tại Thông tư này.

2. Tổ chức thu phí

Ban Cơ yếu Chính phủ là cơ quan thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự theo quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Mức thu phí

1. a) Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự:

- Đối với trường hợp cấp mới, cấp lại do hết hạn Giấy phép: 5.000.000 đồng/lần thẩm định.

- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Giấy phép do thay đổi, bổ sung danh mục đã được cấp phép: 2.000.000 đồng/lần thẩm định.

b) Mức thu phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự: 1.200.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.

c) Mức thu phí thẩm định cấp Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự: 1.200.000 đồng/sản phẩm/lần thẩm định.

2. Tổ chức, cá nhân nộp phí bằng tiền mặt trực tiếp cho cơ quan thu phí hoặc chuyển khoản vào tài khoản của cơ quan thu phí mở tại kho bạc nhà nước.

Điều 3. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 tháng sau, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo hướng dẫn Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

Điều 4. Quản lý và sử dụng phí

Tổ chức thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được, để trang trải chi phí phục vụ thẩm định, thu phí theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí. Số tiền phí còn lại (10%), tổ chức thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Thông tư này thay thế Thông tư số 88/2015/TT-BTC ngày 09 tháng 6 năm

2015 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, lệ phí cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; Giấy chứng nhận hợp chuẩn, Giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số /2016/TT-BTC ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng chứng từ thu phí, lệ phí và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ban Nội chính Trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Thuế, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước thành phố Hà Nội;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu VT, CST (CST 5).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Thị Mai